

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 – ĐIỆN BIÊN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2026/HNGĐ-ST.

Ngày: 14/9/2026.

*V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn.*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thân Văn Hàm .

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Quảng Văn Sun và ông Nguyễn Khắc Thiện.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thiều Tất Lơ - Thư ký viên, Tòa án nhân dân khu vực 4 - Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Điện Biên, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 93/2026/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 6 năm 2026 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11 tháng 8 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2026/QĐST-HNGĐ, ngày 28 tháng 8 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Minh T - Sinh năm: 1983; Nơi cư trú hiện tại: Tổ dân phố D (Nay là tổ dân phố E), phường M, tỉnh Điện Biên; Số Căn cước công dân: 011083000895, ngày cấp: 20/02/2024 (Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Chị Lê Thị H - Sinh năm: 1987; Nơi cư trú hiện tại: Tổ dân phố D (Nay là tổ dân phố E), phường M, tỉnh Điện Biên; Số Căn cước công dân: 011187001212, ngày cấp: 08/4/2021 (Vắng mặt tại phiên tòa không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22/6/2026 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn anh Trần Minh T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Lê Thị H đăng ký kết hôn vào ngày 06/4/2018 tại UBND phường N, thị xã M, tỉnh Điện Biên (nay là phường M, tỉnh Điện Biên). Việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc hay cản trở. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, tuy nhiên sau thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau, vợ chồng có cách sống, sinh hoạt khác nhau, đồng thời tính tình của cả hai vợ chồng không hợp nhau mặc dù đã

được hai bên gia đình hoà giải, hàn gắn nhưng mâu thuẫn ngày càng trở nên nghiêm trọng. Từ năm 2024 cho đến nay, hai vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau; Nay xét thấy cuộc sống chung không thể kéo dài được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được và anh T không còn tình cảm với chị H, nên anh Trần Minh T đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với chị Lê Thị H.

Về con chung, con riêng, con nuôi: Trong quá trình chung sống anh Trần Minh T và chị Lê Thị H có 02 (hai) con chung cháu lớn là: Trần Thị Thu G; Sinh ngày: 05/03/2006, cháu thứ hai Trần Đình P; Sinh ngày: 21/11/2010; Quan điểm anh Trần Minh T về con chung khi ly hôn là: Đối với cháu Trần Thị Thu G hiện đã trưởng thành và có khả năng lao động không đề nghị Toà án giải quyết, anh Trần Minh T sẽ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Đình P cho đến khi cháu thành niên và có khả năng lao động (đủ 18 tuổi). Việc cấp dưỡng nuôi con chung anh T và chị H tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về quan hệ tài sản: anh Trần Minh T và chị Lê Thị H tự thoả thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: anh Trần Minh T và chị Lê Thị H tự thoả thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay anh Trần Minh T có đơn xin xét xử vắng mặt do bận công việc không đến tham dự được.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Lê Thị H, đã triệu tập chị H đến Tòa án để giải quyết vụ việc nhưng chị H không tham gia các phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa giải quyết vụ việc theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thủ tục thụ lý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 24/6/2026 anh Trần Minh T nộp đơn khởi kiện đề ngày 22/6/2026 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn tại Tòa án nhân dân khu vực 4 - Điện Biên, tỉnh Điện Biên đối với chị Lê Thị H, địa chỉ: Tổ dân phố D (N là tổ dân phố E), phường M, tỉnh Điện Biên. Anh Tú có quyền yêu cầu giải quyết ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Cùng ngày, Toà án nhân dân khu vực 4 - Điện Biên, tỉnh Điện Biên đã ban hành và giao cho anh T thông báo nộp tiền tạm ứng án phí số: 14/TB-TA; Ngày 24/6/2026 anh T đã nộp cho Toà án nhân dân khu vực 4 - Điện Biên, tỉnh Điện Biên biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án, ký hiệu: BLTU/26E, số: 0000423, ngày 24/6/2026 của Thị hành án dân sự tỉnh Điện Biên, cùng ngày Tòa án đã thụ lý vụ án để giải quyết yêu cầu khởi kiện của anh T theo khoản 1 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 và Điều 195 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn chị Lê Thị H có nơi cư trú tại: Tổ dân phố D (Nay là tổ dân phố E), phường M, tỉnh Điện Biên. Đây là vụ án Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Điện Biên, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Trần Minh T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, chị Lê Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện:

- Về hôn nhân: Anh Trần Minh T và chị Lê Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không ai bị mất năng lực hành vi dân sự, không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn ngày 06/4/2018 tại UBND phường N, thị xã M, tỉnh Điện Biên (nay là phường M, tỉnh Điện Biên), các bên kết hôn khi đã đủ điều kiện kết hôn. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị H là hợp pháp. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã nhau, vợ chồng có cách sống, sinh hoạt khác nhau, đồng thời tính tình của cả hai vợ chồng không hợp nhau, từ năm 2024 cho đến nay vợ chồng đã sống ly thân, không còn bên nào quan tâm đến bên nào nữa. Chính quyền địa phương cũng đã xác nhận tình trạng hôn nhân của anh chị. Như vậy có đủ cơ sở khẳng định việc vợ chồng không còn hạnh phúc, có mâu thuẫn là đúng. Xét tình trạng thực tế giữa vợ chồng, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ xác định anh T và chị H vi phạm nghĩa vụ của người chồng, người vợ, dẫn đến không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ hay chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình với nhau. Do đó, đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử thấy rằng, anh T khẳng định tình cảm của anh với chị H không còn, cho nên có kéo dài việc giải quyết ly hôn và hòa giải cũng không có kết quả. Tại phiên hòa giải tại Tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay chị H vắng mặt không có lý do, không có ý kiến trình bày cho Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của anh Trần Minh T cho ly hôn giữa anh Trần Minh T với chị Lê Thị H.

- Về con chung, con riêng, con nuôi: Trong quá trình chung sống anh Trần Minh T và chị Lê Thị H có 02 (hai) con chung tên là: Trần Thị Thu G - Sinh ngày: 05/3/2006 và Trần Đình P - Sinh ngày: 21/11/2010.

Đối với cháu Trần Thị Thu G hiện đã trưởng thành và có khả năng lao động anh Trần Minh T không yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với cháu Trần Đình P có ý kiến trình bày xin được ở với bố là anh Trần Minh T và anh T có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi

dưỡng, giáo dục. Hội đồng xét xử thấy rằng cháu Trần Đình P có nguyện vọng được ở với anh T và anh T muốn được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Do vậy, để đảm bảo cháu được chăm sóc, nuôi dưỡng trong điều kiện tốt nhất, phù hợp với tâm lý, lứa tuổi và giới tính của cháu, Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ các quy định tại các Điều 58, 69, 70, 81; 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 chấp nhận yêu cầu của anh Trần Minh T và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Trần Đình P, giao cháu P cho anh T chăm sóc, giáo dục đến khi cháu P đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc đến khi có thay đổi khác. Anh Trần Minh T không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội Đồng xét xử không đề cập xem xét.

Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

Về nợ: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[3] Về Án phí: Hội đồng xét xử căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, nguyên đơn anh Trần Minh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 69, 70, 81; 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 207, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Minh T về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Trần Minh T và chị Lê Thị H.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Đình P - Sinh ngày: 21/11/2010 cho anh Trần Minh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi cháu đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc đến khi có thay đổi khác.

Không đề cập giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con có thể thay đổi, Tòa án sẽ xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật khi có đơn yêu cầu.

3. Về tài sản: Các đương sự tự thoả thuận, không đề cập giải quyết.

4. Về nợ: Các đương sự tự thoả thuận, không đề cập giải quyết.

5. Về án phí: Anh Trần Minh T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000423 ký hiệu: BLTU/26E, ngày 24/6/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên. Anh Tú đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi Nhận:

- Phòng GDKTTT&THA TAT Điện Biên;
- Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 4-Điện Biên;
- Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên;
- Các đương sự;
- UBND phường Mường Lay;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thân Văn Hàm